TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023**/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phạm Thị Em

2- Ông Nguyễn Tống Nê

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Linh Duy– Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Phương T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: 71D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: ấp L, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.Bị đơn: Anh Ngô Nhật T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: 71D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: số A, đường H, ấp B, xã M, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022, bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị T trình bày:

Chị và anh Ngô Nhật T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị hạnh phúc được khoảng vài năm. Năm 2022, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, về nhiều mặt trong cuộc sống; vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống; anh T1 thì khi ở Long An, khi ở Đồng Tháp. Trong thời gian ly thân chị và anh T1 mạnh ai người đó sống. Vợ chồng chị chỉ liên lạc với nhau vì con nhưng anh T1 không có tới nhà cha mẹ chị để thăm chị và con; cũng không gửi tiền phụ chị nuôi con.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T1 không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Nhật N, sinh ngày 01/7/2018. Hiện con đang ở với chị. Nay chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Về nợ chung: chị T khai không có.

Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:

Anh T1 thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng anh có mâu thuẫn là quan điểm sống vợ chồng khác biệt, thiếu quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Anh cũng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị T trình bày. Hiện cháu đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng học mẫu giáo ở gần nhà ông bà ngoại. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết

vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1. Giao con chung là Ngô Nhật N sinh ngày 01/7/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T tự nguyện không yêu cầu. Tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có. Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt; Anh T1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1, chị T.

[2] Về nội dung:

Chị Huỳnh Thị Phương T và anh Ngô Nhật T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Nhật T1.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị T, anh T1 hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh T1. Theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị T với anh T1 đã có những mâu thuẫn phát sinh. Chị T với anh T1 đã không sống chung với nhau khoảng 5 tháng nay. Bản thân anh T1 cũng thừa nhận từ tháng 9/2022 đến nay, anh và chị T ly thân. Trong thời gian đó anh và chị mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Anh chị chỉ liên lạc với nhau vì con. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 cũng đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Phương T đối với anh Ngô Nhật T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Nhật N, sinh ngày 01/7/2018. Hiện cháu ở chung với chị T. Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, trước giờ cháu N vẫn do chị T và anh T1 cùng chăm sóc. Gần đây do vợ chồng chị T, anh T1 sống ly thân thì cháu N do chị T trực tiếp chăm sóc. Hiện cháu N còn nhỏ tuổi, đang đi học mẫu giáo gần nhà chị T, có cuộc sống, nơi ở, nơi học tập ổn định. Bản thân chị T mặc dù có thu nhập thấp hơn anh Tâm nhưng công việc của chị T là bán hàng online cũng tại ra thu nhập; không phải di chuyển nhiều nơi, không phải làm ban đêm nên chị T có nhiều thời gian để trực tiếp chăm sóc cháu N. Ngoài ra, chị T hiện còn ở cùng cha mẹ ruột (cha mẹ ruột cũng không quá lớn tuổi, mẹ chị T 45 tuổi, cha chị T 46 tuổi là còn trong độ tuổi lao động) nên cha mẹ có thể phụ chị T chăm sóc cháu N , đưa đón cháu N đi học khi chị T bận công việc. Anh T1 mặc dù có thu nhập cao hơn chị T nhưng do làm chủ 2 cơ sở kinh doanh mai vàng ở Long An và Đồng Tháp nên phải di chuyển thường xuyên nhiều hơn chị T; anh T1 cũng thừa nhận khi anh T1 bận là cậu chín và em gái hoặc người anh T1 thuê để chăm sóc cháu N; còn cha anh T1 hiện ở Mộc Hoá (tỉnh Long An); mẹ anh T1 hiện ở xã Phú Đức huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre sắp tới mới cha mẹ anh mới qua Đồng Tháp phụ anh kinh doanh và chăm sóc cháu N nếu được Tòa án giao con cho anh nuôi. Do đó thời gian anh T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu N sẽ ít hơn so với chị T; và cha hoặc mẹ (trong trường hợp cần thiết là ông bà nội, ngoại) trực tiếp chăm sóc giáo dục con, cháu sẽ tốt hơn so với những người thân khác hay người thuê mướn để chăm sóc con, cháu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Nhật N, sinh ngày 01/7/2018 sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T1 không phải cấp dưỡng cho con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh T1 tự thỏa thuận.

Về nợ chung: chị T, anh T1 khai không có nên Tòa án không xét đến.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị T phải nộp.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị Phương T được ly hôn với anh Ngô Nhật T1.

Quan hệ hôn nhân của chị T, anh T1 chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc chị T, anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Huỳnh Thị Phương T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Nhật N, sinh ngày 01/7/2018. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh T1 tự thỏa thuận

4.Về nợ chung: chị T, anh T1 khai không có nên Tòa án không xét đến.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Thị Phương T phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010491 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị Huỳnh Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
-UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**